

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 192/2018/DS-PT

Ngày: 09/5/2018.

V/v tranh chấp “*Hợp đồng mua bán và vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Huyện.

Các Thẩm phán: 1. Ông Võ Trung Hiếu.

2. Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Đỗ Thị Phương Thảo Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04 và 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phiên phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán và vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp LA, xã LG, huyện ĐH, tỉnh LA.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1962 (có mặt).

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã CS, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết M trình bày: Ngày 08/5/2017, bà có bán cho vợ chồng ông N và bà H 02 ghe lúa, ghe thứ nhất lúa loại Trung vụ gồm 48.810 Kg, giá 4.700 đồng/Kg với số tiền 229.360.000 đồng, ghe thứ hai lúa loại 6976 gồm 31.777 Kg, giá 4.450 đồng/Kg với số tiền 141.407.000 đồng.

Ngoài ra, trong các lần mua bán trước vợ chồng ông N và bà H cũng thiếu bà tiền thuê xe chở 360 bao lúa loại 5451 là 5.786.000 đồng; Tiền nợ 15 bao lúa loại 5451 là 3.851.000 đồng; Tiền lúa trung vụ 9.730.000 đồng; Tiền thuê xe chở lúa dùm cho ông N, bà H 7.680.000 đồng; Tiền mua lúa loại 6976 ngày 25/3/2017; Tiền thuê xe và tiền bốc vác 7.000.000 đồng; Mượn 2.000.000 đồng để mua dầu chở lúa.

Tổng cộng, ông N, bà H nợ bà số tiền 414.178.000 đồng. Từ lúc mua lúa cho đến nay ông N, bà H cố tình tránh né không trả số tiền trên nên bà khởi kiện yêu cầu ông N, bà H trả cho bà số tiền 381.553.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Rút lại yêu cầu đối với số tiền 32.625.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà với bà M là đối tác làm ăn, có thực hiện nhiều hợp đồng mua bán lúa với nhau, sau mỗi lần giao dịch đều trả đủ tiền cho bà M. Vào ngày 08/5/2017, bà có mua của bà M hai ghe lúa, một ghe lúa Trung vụ, số lượng 48.810 Kg, giá 4.700 đồng/Kg, thành tiền 229.360.000 đồng và một ghe lúa số lượng 31.777Kg, giá 4.600 đồng/Kg, thành tiền 141.407.000 đồng, nhưng bà đã trả tiền rồi. Ngoài ra, bà cũng mượn bà M 2.000.000 đồng để đổ dầu và 8.786.000 đồng tiền thuê 02 xe chở lúa. Do mua bán thua lỗ nên bà đã trả lại cho bà M 5.000 kg lúa tương đương với số tiền 24.000.000 đồng, nhưng bà M đã rút phần nợ 32.625.000 đồng nên bà không khấu trừ vào khoản nợ còn lại. Vậy nay bà chỉ nợ bà M tổng số tiền 240.146.000 đồng bà xin trả làm hai lần trong thời hạn 16 tháng. Còn bà M yêu cầu bà trả số tiền 381.553.000 đồng bà không đồng ý.

Ông Nguyễn Văn N trình bày: Trước đây ông có nhiều lần cùng bà H mua bán lúa với bà M nhưng ông không trực tiếp mua mà bà H là người trực tiếp mua. Tuy nhiên, khi chở lúa về ông là người trực tiếp bán gạo rồi ông chuyển tiền trả cho bà M. Đối với ghe lúa 48.810 kg và ghe 31.777 kg thì ông không cùng tham gia mua bán gạo nhưng nếu có căn cứ thì ông cũng đồng ý cùng bà H trả cho bà M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang đó áp dụng: Các Điều 288, 430, 440, 463 và 466 của Bộ luật dân sự; Điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết M.

2. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả ngay cho bà Trần Thị Tuyết M số tiền 381.553.000 đồng (Ba trăm tám mươi một triệu năm trăm năm mươi ba ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/01/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án tỉnh Tiền Giang xem xét, giải quyết bác đơn khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 141.407.000 đồng mua ghe lúa 31.777kg ông, bà đã trả rồi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết bác đơn khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết M với số tiền 141.407.000 đồng mua ghe lúa 31.777kg ông, bà đã trả rồi, chỉ còn thiếu 229.360.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị H là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông N, bà H giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị H. Nghe các bên đương sự trình bày trước tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Hợp đồng mua bán và vay tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị H trả cho bà số tiền 381.553.000 đồng tiền mua 02 ghe lúa (trong đó có số tiền 10.76.000 đồng bà H mượn bà M).

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án tỉnh Tiền Giang xem xét, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn phần tiền 141.407.000 đồng mua ghe lúa 31.777kg, ông N và bà H đã trả cho bà M.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Bà Trần Thị Tuyết M, bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn N khai thống nhất giữa bà M, bà H và ông N có mua bán lúa với nhau. Vào ngày 08/5/2017, vợ chồng ông N, bà H còn thiếu bà M 02 (hai) ghe lúa gồm: “01 ghe lúa trung vụ, số lượng 48.810 Kg, giá 4.700 đồng/Kg, thành tiền 229.360.000 đồng và một ghe lúa 59 số lượng 31.777Kg, giá 4.600 đồng/Kg, thành tiền 141.407.000 đồng. Tổng cộng hai ghe lúa là 370.767.000 đồng.

Bà H có viết biên nhận vào sổ của bà M (BL 12) là nợ của bà M hai ghe lúa nói trên.

Tại bản án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M tuyên buộc vợ chồng ông N, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà M số tiền 381.553.000 đồng, trong đó nợ 02 ghe lúa là 370.767.000 đồng và số tiền mà bà H mượn bà M là 10.76.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn thừa nhận chữ viết và chữ ký với nội dung “ còn 01 ghe lúa chu vự 48.800, một ghe lúa 59 số lượng 31.777” là chữ viết của bà Lê Thị H. Bà H viết nội dung trên vào cuốn sổ do bà M giữ.

Hai bên đương sự không tranh chấp về số lượng và giá lúa. Về nội dung (BL12) vợ chồng bà H khai: Vợ chồng có mua của bà M hai ghe lúa số lượng mỗi ghe 48810kg và 31777kg thành tiền 229.360.000 đồng và 141.407.000đ tổng cộng là 370.767.000 đồng. Bà H cho rằng bà viết giấy nợ trên vào trưa ngày 10/5 thì tối khoản 23 giờ ngày cũng hôm đó, chồng bà là ông N đem 150.000.000đ trả cho bà M.

Bà M không thừa nhận có nhận của vợ chồng bà H số tiền trên. Bà H và ông N không có chứng cứ gì để chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị H giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết M.

2. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả ngay cho bà Trần Thị Tuyết M số tiền 381.553.000 đồng (Ba trăm tám mươi một triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà M có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông N, bà H chậm thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết M đối với đối với số tiền 32.625.000 đồng.

5. Về án phí:

5.1. Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị H phải chịu 19.077.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông, bà đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 15225 ngày 29/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CL khấu trừ ông N, bà H còn phải chịu 19.077.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Hoàn trả cho bà Trần Thị Tuyết M số tiền 5.142.000 đồng theo biên lai thu số 14980 ngày 15/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09/5/2018).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CL;
- CCTHADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Huyện